

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HSST
Ngày 24-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Thành Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình D (tên gọi khác: không), sinh năm 1989; Nơi sinh: Thanh Hóa, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đồng L, huyện S, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, P. T, Thành phố X, tỉnh B; con ông Nguyễn Đình Ph, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 (đã chết). Bị cáo có vợ Viên T, sinh năm 1991 và có 01 người con sinh năm 2015. Bị cáo có 03 anh chị em, lớn sinh năm 1982 và sinh năm 1986.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B.

Truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1993(có mặt).

Trú tại: Khu phố K, thị trấn T, huyện P, tỉnh B.

- Bà Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1977(vắng mặt).

Trú tại: Ấp 6, xã T, TP X, tỉnh B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Mai Xuân S, sinh năm 1988(vắng mặt).

Trú tại: Khu phố K, thị trấn T, huyện P, tỉnh B.

- Bà Viên T, sinh năm 1991(có mặt).

Trú tại: KP 2, P Tân Đồng, TP Đồng Xoài, tỉnh B.

** Người làm chứng:*

- Ông Bùi Thiên Tr, sinh năm 1999(vắng mặt).

Trú tại: Ấp 6, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1991(vắng mặt).

Trú tại: Tổ 3, KP B, P T, TP X, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 26/6/2020 bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 93T5-0354 đi từ Thành phố X đến khu vực thị trấn T, huyện P, tỉnh B để tìm phòng trọ. Khi đến phòng trọ Thúy Hằng tại khu phố K, thị trấn T, huyện P, tỉnh B thì bị cáo bỏ xe ngoài đường đi vào nhà trọ. Khi đi qua phòng trọ A3 của chị Lê Thị Ngọc A thuê trọ, thấy chị A đang ngủ trên đầu giường có một chiếc điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i đang sạc pin, không có người trông coi nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. D đi vào phòng lấy điện thoại rồi đi ra xe mô tô. Lúc bấy giờ chị A đi ra nên bị cáo D giả vờ nói với chị A là đang đi tìm phòng trọ, rồi bị cáo D điều khiển xe đi về hướng Thành phố Đồng Xoài. Trên đường đi bị cáo D làm rơi mất chiếc điện thoại trộm cắp của chị A. Cùng ngày sau khi phát hiện mất chiếc điện thoại, chị A đã đến Công an thị trấn T trình báo vụ việc. Đến ngày 02/7/2020 bị cáo D đến Công an thị trấn T đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/7/2020 bị cáo D điều khiển xe biển số 93T5-0354 đi từ phòng trọ của D tại khu phố 2, phường Tân Đồng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh B xuống xã T để gặp bạn tên L (không rõ nhân thân lai lịch). Khi đi đến Ấp 6, xã T, Thành X thì bị cáo D vào quán nước của Đỗ Thị Hồng T để mua trà sữa uống. Khi mua xong bị cáo D phát hiện chiếc điện thoại Oppo A9 của chị T đang để trên võng trong quán nước nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. L dụng lúc chị T không đề ý bị cáo D lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi về. Đến ngày 02/7/2020, bị cáo D ra đầu thú tại Công an thị trấn T, huyện P.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i Black có giá 3.414.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71 ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Oppo A9 màu đen có giá 4.080.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 màu xanh đen;
- 01 xe mô tô hiệu Dayang màu xám, biển số 93T5-0354;
- 01 xi lanh màu trắng có nắp đỏ;
- 01 áo khoác màu xanh đen có lôgô bên ngực trái, trên lôgô in nổi con đại bàng màu đen, trên lôgô có dòng chữ DESIG màu trắng, lô gô có màu đỏ, trắng, đen.
- 01 áo thun màu đỏ trên ngực trái có chữ MAISION màu trắng;
- 01 quần Jean lửng màu trắng, bên trong lưng quần có chữ N-Gold;
- 01 dép quai hậu màu đen, nhãn hiệu BITA'S, size 40;
- 01 USB màu đỏ đen, hiệu SanDisk bên trong chứa 05 file hình ảnh thu giữ từ camera Nhà trọ Thúy Hằng;
- Số tiền 200.000 đồng;

Tại Bản cáo trạng số 77CTr-VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu DaYang màu xám, BS 93T5-003.54, cơ quan CSĐT Công an huyện P chưa làm rõ nguồn gốc nên đã tách ra xử lý sau.

+ Đối với 01 điện thoại Oppo A9 đã trả lại cho bà Đỗ Thị Hồng T là chủ sở hữu, bà T không có ý kiến yêu cầu gì.

+ Đối với điện thoại Huawei Nova 3i đã mất nên đề nghị không xem xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen là của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 200.000 đồng là tài sản của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đề nghị tuyên triệu hủy:

- 01 xi lanh màu trắng có nắp đỏ;

- 01 áo khoác màu xanh đen có lôgô bên ngực trái, trên lôgô in nổi con đại bàng màu đen, trên lô gô có dòng chữ DESIG màu trắng, lôgô có màu đỏ, trắng, đen.

- 01 áo thun màu đỏ trên ngực trái có chữ MAISON màu trắng;
- 01 quần Jean lưng màu trắng, bên trong lưng quần có chữ N-Gold;
- 01 dép quai hậu màu đen, nhãn hiệu BITA'S, size 40;

Đối với 01 USB màu đỏ đen, hiệu SanDisk bên trong chứa 05 file hình ảnh thu giữ từ camera Nhà trọ H đề nghị tuyên quản lý theo hồ sơ vụ án;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy rất ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân P, tỉnh B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản hiện trường; Lời khai của bị cáo; người bị hại; người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, nên ngày 26/6/2020, bị cáo D đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại hiệu Hawei Nova 3i của chị Lê Thị Ngọc A, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.414.000 đồng. Ngày 01/7/2020, bị cáo D đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại hiệu Oppo của chị Đỗ Thị Hồng T, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.080.000 đồng.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, bị cáo nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng do bản tính lười lao động, ham muốn có tiền tiêu xài

một cách nhanh chóng mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi lén lút trộm cắp điện thoại là tài sản của chị A và chị T, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.494.000đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng điều khoản quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, do ngày 03/6/2019 bị Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải D xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo còn có con nhỏ, vợ bị cáo đang mang thai; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, vợ bị cáo đang mang thai nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại bà Đỗ Thị Hồng T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không xem xét.

Người bị hại bà Lê Thị Ngọc A với gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa bà A không có ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Bà Viên Thanh là vợ bị cáo đã bỏ số tiền 3.000.000đồng thay bị cáo bồi thường cho bị hại bà A, bà Thanh không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bồi thường nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu DaYang màu xám, Biển số 93T5-00354, cơ quan CSĐT Công an huyện P chưa làm rõ nguồn gốc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện

P đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại Oppo A9 đã trả lại cho bà Đỗ Thị Hồng T là chủ sở hữu, bà T không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

+ Đối với điện thoại Huawei Nova 3i bị cáo đã làm rơi không thu giữ được nên không xem xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 200.000 đồng trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần quản thủ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Đối với các vật chứng sau không còn giá trị sử dụng cần tuyên triệu hủy:

- 01 xi lanh màu trắng có nắp đỏ;

- 01 áo khoác màu xanh đen có lôgô bên ngực trái, trên lôgô in nổi con đại bàng màu đen, trên lô gô có dòng chữ DESIG màu trắng, lô gô có màu đỏ, trắng, đen.

- 01 áo thun màu đỏ trên ngực trái có chữ MAISION màu trắng;

- 01 quần Jean lưng màu trắng, bên trong lưng quần có chữ N-Gold;

- 01 dép quai hậu màu đen, nhãn hiệu BITA'S, size 40;

Đối với 01 USB màu đỏ đen, hiệu SanDisk bên trong chứa 05 file hình ảnh thu giữ từ camera Nhà trọ H ghi lại hình ảnh của bị cáo vào nhà trọ để trộm cắp tài sản nên cần tuyên quản lý theo hồ sơ vụ án;

[9] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2020.

2. Hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố

tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 xi lanh màu trắng có nắp đỏ;

- 01 áo khoác màu xanh đen có lô gô bên ngực trái, trên lô gô in nổi con đại bàng màu đen, trên lô gô có dòng chữ DESIG màu trắng, lô gô có màu đỏ, trắng, đen.

- 01 áo thun màu đỏ trên ngực trái có chữ MAISION màu trắng;

- 01 quần Jean lửng màu trắng, bên trong lưng quần có chữ N-Gold;

- 01 dép quai hậu màu đen, nhãn hiệu BITA'S, size 40;

Quản lý theo hồ sơ vụ án: 01 USB màu đỏ đen, hiệu SanDisk bên trong chứa 05 file hình ảnh thu giữ từ camera Nhà trọ H đã đóng dấu niêm phong.

- Chi cục thi hành án dân sự quản thủ số tiền 200.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (01);
- P. PV 27 CA tỉnh B;
- VKSND huyện P (01);
- CC THADS huyện P(01);
- CA huyện P (03);
- TT lý lịch tư pháp - STP B;
- UBND P. T (01);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa